shèng guò

胜过

verb · to surpass, to be better than

Example Sentences

tā de chéng jì shèng guò bān shàng suǒ yǒu rén
他的 成 绩 胜 过 班 上 所有人。

His grades surpass everyone in the class.

xíng dòng shèng guò kōng tán
行 动 胜 过 空 谈。

Action is better than empty talk.

Trace each character, then write the word on your own.

胜 胜 胜 胜 胜 胜 胜 胜 胜 胜 胜

胜

过 过 过 过 过 过 过 过 过